

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 43

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch
Ông Lê Đức Long	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên
Ông Kim Hongjin	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Việt Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11872026/66923093

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2023-004-1

Lê Hồng Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4432-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

02-0
G TY
& YC
TNA
NHÀ
A N
IEM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		221.033.285.342	186.218.586.258
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	33.323.759.442	20.158.378.184
111	1. Tiền		33.318.099.373	20.152.124.025
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.660.069	6.254.159
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		148.800.000.000	70.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	148.800.000.000	70.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.426.169.287	86.178.597.588
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	14.228.811.567	18.401.903.168
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.585.085.480	3.061.511.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.000.000.000	51.277.848.500
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	9.612.272.240	13.437.334.920
140	IV. Hàng tồn kho	9	8.889.541.505	6.935.415.372
141	1. Hàng tồn kho		8.889.541.505	6.935.415.372
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.593.815.108	2.146.195.114
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.341.119.490	957.739.712
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	1.252.482.618	1.188.118.402
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	213.000	337.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		401.695.564.595	372.641.674.083
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	1.435.658.341
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	1.435.658.341
220	II. Tài sản cố định		21.384.841.048	25.641.691.524
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	21.384.841.048	25.606.891.524
222	Nguyên giá		83.892.872.850	78.551.831.215
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(62.508.031.802)	(52.944.939.691)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	34.800.000
228	Nguyên giá		492.742.000	492.742.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(492.742.000)	(457.942.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	379.228.129.356	344.795.138.056
251	1. Đầu tư vào công ty con		267.359.997.356	237.389.997.356
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		106.406.000.000	96.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.405.140.700	6.405.140.700
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(943.008.700)	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.082.594.191	769.186.162
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.082.594.191	769.186.162
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		622.728.849.937	558.860.260.341

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		41.093.024.564	40.829.703.579
310	I. Nợ ngắn hạn		38.893.024.564	40.829.703.579
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	14.574.774.055	17.852.722.398
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.118.000	1.688.871.795
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.523.362.303	3.639.304.115
314	4. Phải trả người lao động		12.673.791.000	8.542.148.968
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.312.663.617	540.594.872
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		1.274.324.619	1.014.539.867
320	7. Vay ngắn hạn	15	1.800.000.000	5.882.456.175
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	3.728.990.970	1.669.065.389
330	II. Nợ dài hạn		2.200.000.000	-
338	1. Vay dài hạn	15	2.200.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		581.635.825.373	518.030.556.762
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	581.635.825.373	518.030.556.762
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		131.635.825.373	68.030.556.762
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		68.030.556.762	34.985.219.578
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		63.605.268.611	33.045.337.184
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		622.728.849.937	558.860.260.341

Trần Văn Hưng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	281.011.920.999	219.828.069.537
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	281.011.920.999	219.828.069.537
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(120.794.244.888)	(95.633.779.942)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.217.676.111	124.194.289.595
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	40.177.363.776	6.559.197.836
22	7. Chi phí tài chính		(1.346.203.494)	213.708.969
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(227.504.490)	(801.219.986)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(82.467.315.733)	(58.923.674.418)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(40.230.626.504)	(33.233.735.153)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		76.350.894.156	38.809.786.829
31	11. Thu nhập khác		221.535.513	225.772.169
32	12. Chi phí khác		(428.509.084)	(97.697.691)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(206.973.571)	128.074.478
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		76.143.920.585	38.937.861.307
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(8.958.726.393)	(4.722.471.051)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		67.185.194.192	34.215.390.256


Trần Văn Hưng
Người lập


Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng




Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		76.143.920.585	38.937.861.307
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		10.577.920.468	12.249.648.507
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		943.008.700	(1.070.884.700)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		41.988.938	19.131.135
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(40.204.962.978)	(6.643.627.649)
06	Chi phí lãi vay		227.504.490	801.219.986
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		47.729.380.203	44.293.348.586
09	Giảm các khoản phải thu		10.712.675.404	11.704.129.902
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		(1.954.126.133)	(3.290.633.584)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(1.018.444.277)	9.833.499.426
12	Tăng chi phí trả trước		(696.787.807)	(247.273.066)
14	Tiền lãi vay đã trả		(334.406.756)	(854.756.615)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(8.121.528.271)	(3.349.199.289)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.146.000.000)	(165.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		45.170.762.363	57.924.115.360
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(7.844.981.115)	(6.221.218.180)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	485.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(125.260.341.096)	(42.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		101.538.189.596	56.728.151.500
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(40.376.000.000)	(38.990.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.862.196.623	6.366.946.733
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(30.080.935.992)	(24.431.119.947)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		4.000.000.000	31.458.944.193
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.882.456.175)	(47.233.108.410)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.882.456.175)	(15.774.164.217)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		13.207.370.196	17.718.831.196
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.158.378.184	2.458.678.123
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(41.988.938)	(19.131.135)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	33.323.759.442	20.158.378.184

Trần Văn Hưng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 376 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 346 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7 công ty con), bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Công ty Taseco Đà Nẵng”)	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Công ty Taseco Sài Gòn”)	65%	65%	Số 57 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

110
 ĐƠN
 TH
 ST
 TIỆ
 HI
 H
 / KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7 công ty con), bao gồm (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Công ty Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.
5	Công Ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco ("Công ty Jalux Taseco")	51%	51%	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh doanh bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phụ trợ khác.
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc ("Công ty Taseco Phú Quốc")	65%	65%	SS26-S06 Khu du lịch Sonasea villas & Resort, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh ("Công ty Hà Linh")	51%	51%	Tầng 3, Nhà ga T1, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm.

Ngoài ra, Công ty có 1 công ty liên kết như như được trình bày tại Thuyết minh số 11.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vào ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

02-
G T
JHH
& Y
T N
NH
I N
EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2023
Y
OUT
AM
INH
ĐỊ
- T. P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ, Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Đối với hàng tồn kho khác, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

B09-DN
 ERN
 C
 CÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.621.997.956	1.964.648.078
Tiền gửi ngân hàng	31.696.101.417	18.187.475.947
Các khoản tương đương tiền (*)	5.660.069	6.254.159
TỔNG CỘNG	<u>33.323.759.442</u>	<u>20.158.378.184</u>

(*) Các khoản tương đương tiền cuối năm là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một công ty chứng khoán.

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi ngân hàng (*)	148.800.000.000	70.800.000.000
TỔNG CỘNG	<u>148.800.000.000</u>	<u>70.800.000.000</u>

(*) Số cuối năm là khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: có kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,4% đến 6,7%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi ngắn hạn với giá trị là 16,17 tỷ VND đang được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.105.616.000	4.659.774.667
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	3.229.925.000	7.964.202.777
Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	1.639.940.731	1.349.100.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.397.559.801	897.087.541
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	1.855.770.035	3.531.738.183
TỔNG CỘNG	14.228.811.567	18.401.903.168

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	2.000.000.000	51.277.848.500
TỔNG CỘNG	2.000.000.000	51.277.848.500

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	2.000.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn đến ngày 13 tháng 1 năm 2024.	8,0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	2.000.000.000			

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	4.559.794.660	-	2.896.193.131	-
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ hoạt động kinh doanh	3.808.383.644	-	6.188.055.620	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.244.093.936	-	4.353.086.169	-
TỔNG CỘNG	9.612.272.240	-	13.437.334.920	-

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	122.651.545	-	3.678.992.134	-
Phải thu khác	9.489.620.695	-	9.758.342.786	-

802
V
NH
& T
TN
NH
À N
EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa, nguyên vật liệu	8.726.175.977	-	6.742.633.862	-
Công cụ, dụng cụ	163.365.528	-	192.781.510	-
TỔNG CỘNG	8.889.541.505	-	6.935.415.372	-

2023
 AN
 AN
 OI
 11

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	48.736.082.494	4.259.445.267	24.245.581.817	1.310.721.637	78.551.831.215
- Mua trong năm	-	269.720.000	5.878.757.090	394.990.000	6.543.467.090
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.202.425.455)	-	(1.202.425.455)
Số cuối năm	48.736.082.494	4.529.165.267	28.921.913.452	1.705.711.637	83.892.872.850
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	25.179.095.636	4.073.583.903	397.490.909	1.170.276.182	30.820.446.630
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	34.871.207.095	4.143.504.345	12.751.809.054	1.178.419.197	52.944.939.691
- Khấu hao trong năm	7.489.165.807	100.952.582	2.873.544.373	79.457.706	10.543.120.468
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(980.028.357)	-	(980.028.357)
Số cuối năm	42.360.372.902	4.244.456.927	14.645.325.070	1.257.876.903	62.508.031.802
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	13.864.875.399	115.940.922	11.493.772.763	132.302.440	25.606.891.524
Số cuối năm	6.375.709.592	284.708.340	14.276.588.382	447.834.734	21.384.841.048

Một số phương tiện vận tải của Công ty với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5,871 tỷ VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 15.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con	267.359.997.356	-	237.389.997.356	-	
Đầu tư vào công ty liên kết	106.406.000.000	-	96.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.405.140.700	(943.008.700)	6.405.140.700	-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.000.000.000	-	
TỔNG CỘNG	380.171.138.056	(943.008.700)	344.795.138.056	-	

11.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	
Công ty Taseco Đà Nẵng (**)	99,9%	49.950.000.000	99,9%	19.980.000.000	(*)
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	100,0%	105.000.000.000	100,0%	105.000.000.000	(*)
Công ty Taseco Sài Gòn	65,0%	6.500.000.000	65,0%	6.500.000.000	(*)
Công ty Taseco Media	99,9%	444.427.614	99,9%	444.427.614	(*)
Công ty Jalux Taseco	51,0%	73.975.569.742	51,0%	73.975.569.742	(*)
Công ty Taseco Phú Quốc	65,0%	6.500.000.000	65,0%	6.500.000.000	(*)
Công ty Hà Linh	51,0%	24.990.000.000	51,0%	24.990.000.000	(*)
TỔNG CỘNG		267.359.997.356		237.389.997.356	

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty con này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua thêm 2.997 triệu cổ phần được phân bổ từ đợt phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ tại Công ty Taseco Đà Nẵng với giá trị là 29,97 tỷ VND. Theo đó, việc mua thêm không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giao dịch này đã được hoàn thành.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
			Giá gốc (VND)	Dự phòng	Giá gốc (VND)	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS") (**)	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn phục vụ hành khách hàng không; dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không; và các dịch vụ phụ trợ khác.	106.406.000.000	-	96.000.000.000	-	(*)
TỔNG CỘNG			106.406.000.000	-	96.000.000.000	-	

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty liên kết này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc nhận chuyển nhượng 946.000 cổ phần của Công ty VinaCS, tương đương 10,406 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giao dịch này đã được hoàn tất. Theo đó, tỷ lệ lợi ích/tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty VinaCS tăng từ 26,67% lên 29,29%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	6.405.140.700	(943.008.700)	5.462.132.000	6.405.140.700	-	6.759.160.000
TỔNG CỘNG	6.405.140.700	(943.008.700)	5.462.132.000	6.405.140.700	-	6.759.160.000

(*) Đây là khoản đầu tư góp vốn vào một công ty kinh doanh các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Công ty này đang niêm yết trên thị trường chứng khoán và giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi tiết khoản dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	-	1.070.884.700
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	943.008.700	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.070.884.700)
Số cuối năm	943.008.700	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	3.315.848.656	3.315.848.656	-	-
Phải trả đối tượng khác	7.666.142.572	7.666.142.572	10.576.452.977	10.576.452.977
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	3.592.782.827	3.592.782.827	7.276.269.421	7.276.269.421
TỔNG CỘNG	14.574.774.055	14.574.774.055	17.852.722.398	17.852.722.398

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.422.471.051	8.958.726.393	(8.121.528.271)	2.259.669.173
Thuế thu nhập cá nhân	273.746.000	685.933.008	(901.593.008)	58.086.000
Thuế giá trị gia tăng	1.943.087.064	11.581.712.153	(13.319.192.087)	205.607.130
Các loại thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
TỔNG CỘNG	3.639.304.115	21.236.371.554	(22.352.313.366)	2.523.362.303
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.188.118.402	128.579.881	(64.215.665)	1.252.482.618
Thuế thu nhập cá nhân	337.000	62.000	(186.000)	213.000
TỔNG CỘNG	1.188.455.402	128.641.881	(64.401.665)	1.252.695.618

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Phải trả hàng mua chưa xuất hóa đơn	2.081.387.277	-
Chi phí phải trả khác	231.276.340	540.594.872
TỔNG CỘNG	2.312.663.617	540.594.872

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Ngắn hạn								
Vay ngân hàng	3.070.456.175	3.070.456.175	-	(3.070.456.175)	-	-	-	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	-	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Vay bên khác	2.812.000.000	2.812.000.000	15.000.000.000	(17.812.000.000)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	5.882.456.175	5.882.456.175	16.800.000.000	(20.882.456.175)	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Dài hạn								
Vay ngân hàng	-	-	4.000.000.000	(1.800.000.000)	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	4.000.000.000	(1.800.000.000)	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000

15.1 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	4.000.000.000		8,0%	
TỔNG CỘNG	4.000.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	1.800.000.000			
Vay dài hạn	2.200.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.669.065.389	664.012.317
Trích lập quỹ	3.267.925.581	1.014.053.072
Sử dụng quỹ	(1.208.000.000)	(9.000.000)
Số cuối năm	<u>3.728.990.970</u>	<u>1.669.065.389</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	450.000.000.000	35.066.203.031	485.066.203.031
Lợi nhuận thuần trong năm	-	34.215.390.256	34.215.390.256
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.014.053.072)	(1.014.053.072)
Giảm khác	-	(236.983.453)	(236.983.453)
Số cuối năm	<u>450.000.000.000</u>	<u>68.030.556.762</u>	<u>518.030.556.762</u>
Năm nay			
Số đầu năm	450.000.000.000	68.030.556.762	518.030.556.762
Lợi nhuận thuần trong năm	-	67.185.194.192	67.185.194.192
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.267.925.581)	(3.267.925.581)
Giảm khác	-	(312.000.000)	(312.000.000)
Số cuối năm	<u>450.000.000.000</u>	<u>131.635.825.373</u>	<u>581.635.825.373</u>

(*) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco	229.500.000.000	229.500.000.000	-	229.500.000.000	229.500.000.000	-
Cổ đông khác	220.500.000.000	220.500.000.000	-	220.500.000.000	220.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	450.000.000.000	450.000.000.000	-	450.000.000.000	450.000.000.000	-

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	450.000.000.000	450.000.000.000
Số đầu năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Số cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức đã công bố	-	-

17.4 Cổ phiếu

Số lượng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

180
ÔNG
TN
T &
Ệ T
I N
HÀ
TIẾT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18 DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	281.011.920.999	219.828.069.537
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	100.048.056.056	66.208.691.149
Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.963.864.943	153.619.378.388
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	281.011.920.999	219.828.069.537
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán hàng	100.048.056.056	66.208.691.149
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	180.963.864.943	153.619.378.388
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	262.206.919.181	211.389.869.948
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	18.805.001.818	8.438.199.589

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay, tiền gửi, trái phiếu	8.370.210.076	6.559.197.836
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.807.150.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.700	-
TỔNG CỘNG	40.177.363.776	6.559.197.836

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.442.008.629	27.384.219.257
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	86.352.236.259	68.249.560.685
TỔNG CỘNG	120.794.244.888	95.633.779.942

22-6
 3 31
 HH
 c YC
 NA
 HÁI
 NỘ
 1-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	32.632.739.849	23.716.574.212
Chi phí thuê kho, mặt bằng	31.369.796.244	15.956.143.036
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.833.271.673	7.282.908.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.120.525.627	8.603.138.341
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.785.528.911	2.819.696.703
Chi phí bán hàng khác	725.453.429	545.213.974
TỔNG CỘNG	82.467.315.733	58.923.674.418
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	24.694.954.818	20.171.336.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.875.333.969	8.382.725.898
Chi phí thuê kho, mặt bằng	2.390.040.000	2.681.631.613
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	411.907.722	319.057.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	655.588.385	811.028.266
Chi phí quản lý khác	1.202.801.610	867.955.510
TỔNG CỘNG	40.230.626.504	33.233.735.153

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	86.275.334.482	71.953.127.047
Chi phí nhân công	68.924.531.332	52.231.932.075
Chi phí khấu hao và hao mòn	10.577.920.468	12.249.648.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.342.012.797	31.091.727.751
Chi phí thuê mặt bằng, quảng cáo	41.375.883.007	18.809.374.649
Chi phí khác	1.996.505.039	1.455.379.484
TỔNG CỘNG	243.492.187.125	187.791.189.513

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố có bao gồm giá vốn hàng thương mại chủ yếu ở các cửa hàng bán lẻ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.958.726.393	4.722.471.051
TỔNG CỘNG	8.958.726.393	4.722.471.051

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.143.920.585	38.937.861.307
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	15.228.784.117	7.787.572.261
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.397.788	3.826.227
Chi phí không được trừ khác	82.974.488	19.538.968
Lỗi được kết chuyển	-	(3.088.466.405)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.361.430.000)	-
Chi phí thuế TNDN	8.958.726.393	4.722.471.051

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Tập đoàn Taseco")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Công ty Taseco Đà Nẵng")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Công ty Taseco Sài Gòn")	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng")	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Công ty Taseco Media")	Công ty con
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco ("Công ty Jalux Taseco")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc ("Công ty Taseco Phú Quốc")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh ("Công ty Hà Linh")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS")	Công ty liên kết
PENM IV Germany GmbH & Co. KG Company	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco ("Công ty Taseco Land")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Hồ Tây ("Công ty Tầm nhìn Hồ Tây")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Taseco Hồ Tây ("Công ty Taseco Hồ Tây")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế ("Công ty Quản lý Bất động sản Quốc tế")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ ("Công ty Phú Mỹ")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 ("Công ty ICON4")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Sinh thái Quốc tế ("Công ty Du lịch Quốc tế")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Taseco Invest ("Công ty Taseco Invest")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam ("Công ty Bao bì")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long ("Công ty Alacarte Hạ Long")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Yên Bình ("Công ty Yên Bình")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư TAH	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Xây dựng IKCONS ("Công ty IKCONS")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn Taseco



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Bất động sản Trảng An	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Thương mại Hải Hà	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty TNHH Quản lý tòa nhà ALC Hạ Long	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần THT Phúc Linh	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty TNHH Riverview Lương Sơn	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công Ty TNHH Khu Nghỉ Mát P&I	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Thương Mại NHT Global	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Tổng Giám đốc
Ông Lasr Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Đức Long	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Kim Hongjin	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 3 năm 2023
Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Đào Ngọc Thiết	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>		
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.947.338	121.946.926		
		Tiền chuyển nhượng cổ phần đã trả	-	24.990.000.000		
		Trả gốc vay	-	1.200.000.000		
		Chi phí lãi vay	-	9.945.205		
		Nhận tiền hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19	-	276.620.000		
		Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.737.375	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	257.447.055	230.046.998		
Cho bên liên quan vay	3.000.000.000	5.500.000.000				
Thu hồi gốc vay	5.000.000.000	1.500.000.000				
Lãi cho vay	355.780.821	78.378.081				
Thu hồi lãi cho vay	329.260.274	-				
Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	42.000.000	-				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Chuyển tiền mua cổ phần	29.970.000.000	-		
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.819.402	84.443.908		
		Mua hàng hóa, dịch vụ	2.126.702.543	1.735.087.907		
		Cho vay	7.500.000.000	26.000.000.000		
		Thu hồi gốc vay	47.444.000.000	10.000.000.000		
		Lãi cho vay	946.652.388	1.849.501.715		
		Thu hồi lãi cho vay	3.569.265.281	-		
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	153.000.000	-		
Cổ tức được chia	14.985.000.000	-				
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	9.135.091.832	10.961.823.718		
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.351.311.829	779.231.042		
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	71.000.000	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.395.967.245	21.112.770
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.390.383.441	626.320.780
		Thu hồi tiền cho vay	7.333.848.500	3.728.151.500
		Lãi cho vay	212.256.828	461.474.676
		Cổ tức được chia	6.500.000.000	-
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	55.000.000	-
		Thu hồi tiền lãi cho vay	964.602.558	-
		Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Cổ tức được chia	5.592.150.000			-
Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	93.000.000			-
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Góp vốn	-	6.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.282.274.642	2.120.118.473
		Mua hàng hóa, dịch vụ	754.669.543	667.397.118
		Cổ tức được chia	650.000.000	-
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	27.000.000	-
Công ty Hà Linh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.330.710.065	4.069.961.885
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.829.833.560	641.498.635
		Cổ tức được chia	4.080.000.000	-
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	30.000.000	-
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.069.274	34.265.727
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.158.216.230	1.067.115.450
		Cho vay	-	32.000.000.000
		Thu hồi gốc vay	-	32.000.000.000
		Lãi cho vay	-	152.547.944
		Đi vay	-	1.200.000.000
		Trả gốc vay	-	5.500.000.000
		Chi phí lãi vay	-	17.630.137
		Góp vốn	-	8.000.000.000
Công ty Taseco Land	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	356.632.430	331.613.760
		Thanh lý tài sản cố định	-	485.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Thanh toán gốc vay Lãi vay phải trả	- -	2.500.000.000 38.801.369
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.623.532	136.826.608
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.123.281	72.896.466
Công ty Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	8.250.415 92.121.816	7.823.325 54.848.184
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	212.717.228 25.500.000	330.480.071 40.000.000
Công ty IKCONS	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	375.926	1.859.259
Công ty Alacarte Hạ Long	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	5.454.546 1.660.134.321	11.851.852 -
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	2.439.814 76.623.734	22.060.646 -
Công ty Cổ phần Taseco Invest	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.635.051	-
Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát	Thanh toán gốc vay Chi phí lãi vay	- -	1.300.000.000 4.630.137
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.381.818	73.523.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ và mua hàng, sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo hợp đồng và thỏa thuận giữa các bên.

Ngoài các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn được trình bày tại Thuyết minh số 7, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2022: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i>				
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.014.278	3.713.244
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	632.456.630	124.180.075
Công ty Hà Linh	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	640.108.806	3.177.700.936
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.354.371	17.665.992
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	86.997.386
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.688.250	23.950.000
Công ty Taseco Land	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.837.700	43.060.550
Công ty Cổ phần Taseco Invest	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.910.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	400.000	19.900.000
Công ty TNHH Alacarte Hạ Long	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	9.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.600.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.400.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	20.370.000
			1.855.770.035	3.531.738.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

					<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)						
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	2.000.000.000	4.000.000.000		
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	-	39.944.000.000		
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	-	7.333.848.500		
			2.000.000.000	51.277.848.500		
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)						
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	82.410.958	55.890.411		
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Phải thu tiền chi hộ	17.698.254	-		
		Phải thu lãi cho vay	-	752.345.730		
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	-	2.622.612.893		
		Phải thu tiền chi hộ	-	4.664.000		
Công ty Hà Linh	Công ty con	Phải thu kinh phí công đoàn chi hộ	-	207.710.100		
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải thu kinh phí công đoàn	-	35.769.000		
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải thu khác	22.542.333	-		
			122.651.545	3.678.992.134		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</i>					
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.628.742.490	1.437.032.546	
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.153.696.302	742.180.247	
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	539.257.235	5.006.945.614	
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	11.400.000	-	
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	100.222.655	90.111.014	
Công ty TNHH Alacarte Hạ Long	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Mua hàng hóa và dịch vụ	148.140.000	-	
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Mua hàng hóa và dịch vụ	6.235.672	-	
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.088.473	-	
			3.592.782.827	7.276.269.421	
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>					
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải trả tiền thưởng Ban điều hành	225.000.000	-	
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả tiền thưởng Ban điều hành	84.000.000	-	
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Phải trả tiền thưởng Ban điều hành	65.000.000	-	
			374.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập (bao gồm tiền lương, thưởng và thù lao) của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	72.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	60.000.000	30.000.000
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc	946.145.000	765.207.000
Ông Lars Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	30.000.000
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	30.000.000
Ông Lê Đức Long	Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	30.000.000
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 3 năm 2023	-	701.895.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	656.089.000	528.943.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	797.515.000	660.527.000
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc	802.253.000	659.443.000
Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	18.000.000
TỔNG CỘNG		<u>3.646.002.000</u>	<u>3.538.015.000</u>

24. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T1 và T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2026;
- ▶ 1 hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất với Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam sẽ kết thúc vào ngày 28 tháng 7 năm 2024;
- ▶ 1 hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc với Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Theo một số hợp đồng thuê địa điểm với các cảng hàng không, Công ty sẽ phải chia sẻ một phần doanh thu thu được từ các địa điểm kinh doanh này theo tỷ lệ quy định trong các hợp đồng thuê hoặc theo một số tiền thuê tối thiểu nếu doanh thu chia sẻ thấp hơn khoản tiền thuê tối thiểu đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	35.818.426.710	14.529.197.600
Từ 1 - 5 năm	24.015.256.584	11.724.521.812
TỔNG CỘNG	59.833.683.294	26.253.719.412

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Trần Văn Hưng
Người lập


Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng


Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

